

KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC SẮP TỐT NGHIỆP VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÔN NGỮ HÀN QUỐC (CLC)

1. Thời gian thực hiện Khảo sát: 05/2023
2. Đối tượng khảo sát: Sinh viên sắp tốt nghiệp khóa K19 (Lớp 19CNHCLC01)
3. Số lượng phiếu thu được: 24 phiếu

STT	Câu hỏi	Mức đánh giá									
		Mức 1 (Hoàn toàn không đồng ý)		Mức 2 (Không đồng ý)		Mức 3 (Không biết)		Mức 4 (Đồng ý)		Mức 5 (Hoàn toàn đồng ý)	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
I.	Đánh giá chung về mục tiêu của CTĐT										
1	Mục tiêu được xác định rõ ràng, có thể đo lường, đánh giá được	0	0,00%	0	0,00%	3	12,50%	7	29,17%	14	58,33%
2	Mục tiêu phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQĐN	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	8	33,33%	15	62,50%
3	Mục tiêu CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	9	37,50%	14	58,33%
4	Mục tiêu CTĐT đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước, đủ để giúp NH đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	9	37,50%	13	54,17%
5	Mục tiêu CTĐT được công bố kịp thời và rõ ràng đến người học bằng nhiều hình thức: trang thông tin điện tử, sổ tay sinh viên, giải thích tại Buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, thông qua Cố vấn học	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	9	37,50%	13	54,17%
II.	Đánh giá về mức độ cần thiết của các CDR										
		Mức 1 (Không cần thiết)		Mức 2 (Ít cần thiết)		Mức 3 (Không biết)		Mức 4 (Cần thiết)		Mức 5 (Rất cần thiết)	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
6	Áp dụng những kiến thức về văn hóa, chính trị, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp.	0	0,00%	0	0,00%	3	12,50%	12	50,00%	9	37,50%
7	Có kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội, lịch sử, văn học, chính trị, pháp luật, kinh tế Việt Nam & Hàn Quốc.	0	0,00%	0	0,00%	3	12,50%	11	45,83%	10	41,67%
8	Tổng hợp rõ hệ thống ngôn ngữ và kết cấu ngôn ngữ Hàn Quốc để vận dụng thông thạo trong giao tiếp.	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	11	45,83%	11	45,83%
9	Có kiến thức công nghệ thông tin và tài liệu ngoại ngữ 2 nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả học tập, phục vụ nghiên cứu khoa học, và phát triển chuyên môn.	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	11	45,83%	11	45,83%
10	Sử dụng được ngoại ngữ 2 (đạt bậc 3/6 đối với tiếng Anh hoặc bậc 2/6 đối với các ngôn ngữ khác theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương khác.	0	0,00%	0	0,00%	4	16,67%	6	25,00%	14	58,33%

11	Vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, văn học, chính trị, pháp luật, kinh tế Việt Nam & Hàn Quốc để khai thác thông tin trong học tập, nghiên cứu và khởi nghiệp.	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	13	54,17%	10	41,67%
12	Giao tiếp, thuyết trình và bảo vệ được quan điểm cá nhân.	0	0,00%	0	0,00%	4	16,67%	9	37,50%	11	45,83%
13	Giải quyết các vấn đề phức tạp.	0	0,00%	0	0,00%	5	20,83%	8	33,33%	11	45,83%
14	Có tư duy phân biện, sáng tạo và khởi nghiệp.	0	0,00%	0	0,00%	4	16,67%	10	41,67%	10	41,67%
15	Thể hiện trách nhiệm công dân, có tác phong chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp.	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	11	45,83%	11	45,83%
16	Hiểu biết, thực hiện, đánh giá, phân biện và trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề và tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội trong môi trường quốc nội và quốc tế.	0	0,00%	0	0,00%	3	12,50%	9	37,50%	12	50,00%
17	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm hiệu quả.	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	7	29,17%	16	66,67%
III	Đánh giá chung về CDR của CTĐT	Mức 1 (Hoàn toàn không đồng ý)		Mức 2 (Không đồng ý)		Mức 3 (Phân vân)		Mức 4 (Đồng ý)		Mức 5 (Hoàn toàn đồng ý)	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
18	Được phát biểu rõ ràng, cụ thể	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	10	41,67%	14	58,33%
19	Có thể đo lường được	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	9	37,50%	13	54,17%
20	Có thể đạt được	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	11	45,83%	13	54,17%
21	Đáp ứng với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Trường	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	10	41,67%	14	58,33%
22	Phù hợp với định hướng phát triển của các chương trình đào tạo ở trong nước và nước ngoài trong hiện tại và tương lai	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	7	29,17%	16	66,67%
IV.	Giảng dạy và PPKT của giảng viên	Mức 1 (Hoàn toàn không đồng ý)		Mức 2 (Không đồng ý)		Mức 3 (Phân vân)		Mức 4 (Đồng ý)		Mức 5 (Hoàn toàn đồng ý)	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
23	GV kiểm tra đánh giá SV phù hợp với mục tiêu và nội dung đào tạo rõ ràng.	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	9	37,50%	14	58,33%
24	Hoạt động giảng dạy của chuyên ngành đào tạo gắn với định hướng nghề nghiệp	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	11	45,83%	13	54,17%
25	Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông báo công khai đến SV	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	8	33,33%	15	62,50%
26	GV nhiệt tình giúp đỡ, hỗ trợ SV trong học tập	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	8	33,33%	16	66,67%
27	GV có phương pháp sư phạm tốt	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	7	29,17%	17	70,83%
V.	Cán bộ phục vụ	Mức 1 (Hoàn toàn không đồng ý)		Mức 2 (Không đồng ý)		Mức 3 (Phân vân)		Mức 4 (Đồng ý)		Mức 5 (Hoàn toàn đồng ý)	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
28	Cán bộ, nhân viên phụ trách cơ sở vật chất nhiệt tình, có trách nhiệm	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	12	50,00%	12	50,00%
29.	Cán bộ, nhân viên các phòng chức năng hỗ trợ giải quyết kịp thời yêu cầu hợp lý của người học.	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	12	50,00%	11	45,83%
VI.	CSVC	Mức 1 (Hoàn toàn không đồng ý)		Mức 2 (Không đồng ý)		Mức 3 (Phân vân)		Mức 4 (Đồng ý)		Mức 5 (Hoàn toàn đồng ý)	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
	Phòng học được sắp xếp hợp lý và có đủ chỗ ngồi	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	12	50,00%	11	45,83%

31	Phòng học đảm bảo về ánh sáng, âm thanh và thoáng mát và đầy đủ trang thiết bị học tập	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	9	37,50%	13	54,17%
32	Hệ thống nhà vệ sinh sạch sẽ và công tác vệ sinh trường học sạch sẽ	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	12	50,00%	10	41,67%
33	Trang thiết bị dạy học được thay mới, sửa chữa kịp thời khi có hư hỏng	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	11	45,83%	11	45,83%
34	Thư viện có đầy đủ các loại tài liệu phục vụ quá trình học tập, nghiên cứu	0	0,00%	0	0,00%	4	16,67%	10	41,67%	10	41,67%
35	Phòng Tư liệu tiếng Hàn có nhiều tài liệu tham khảo và đầy đủ trang thiết bị học tập	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	8	33,33%	14	58,33%
36	Thời gian mở cửa và nội quy quy định của Phòng Tư liệu tiếng Hàn phù hợp, phục vụ người học hợp lý.	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	8	33,33%	15	62,50%
37	Khu vực Korean Coner rất hữu ích cho việc nghiên cứu, học tập	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	8	33,33%	14	58,33%
VII.	Hoạt động tư vấn người học	Mức 1 (Hoàn toàn không đồng ý)		Mức 2 (Không đồng ý)		Mức 3 (Phân vân)		Mức 4 (Đồng ý)		Mức 5 (Hoàn toàn đồng ý)	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
38	SV được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về chính sách xã hội, học bổng.	0	0,00%	0	0,00%	1	4,17%	10	41,67%	13	54,17%
39	SV được tạo điều kiện tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học, tọa đàm, chuyên đề của các học giả	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	9	37,50%	15	62,50%
40	Trường/Khoa có các hoạt động hướng nghiệp giúp SV có khả năng tìm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.	0	0,00%	0	0,00%	2	8,33%	11	45,83%	11	45,83%
41	Trường/Khoa có các dịch vụ hỗ trợ SV (xin việc làm, chỗ ở, ...) hiệu quả.	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	16	66,67%	8	33,33%

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 05 năm 2023
Người lập bảng kết quả khảo sát



Nguyễn Ngọc Tuyền